

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CLEVER GROUP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0829A/2023/CV-ADG

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

V/v giải trình kết quả kinh doanh tại  
BCTC riêng và hợp nhất đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Ngày 29/8/2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Đối với thay đổi từ 10% trở lên của Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước, Công ty xin giải trình như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Báo cáo	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	BCTC riêng	4.284.320.772	13.165.356.084	-67%
	BCTC hợp nhất	6.017.844.454	25.383.666.679	-76%

Nguyên nhân chính dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 do:

- Do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế trong nước nói riêng và kinh tế thế giới nói chung đều đang gặp khó khăn dẫn đến các công ty thắt chặt/hạn chế chi phí cho hoạt động quảng cáo; điều này đã dẫn đến doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ và hợp nhất trong giảm lần lượt là 32% và 27%. Việc thay đổi các chính sách tài chính cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty, cụ thể: doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty giảm 38% và hợp nhất giảm 23%.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng tăng so với 6 tháng đầu năm 2022.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 so với cùng kỳ năm trước của Công ty cổ phần Clever Group. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Khánh Trình

Số: 0829C/2023/CV-ADG  
V/v giải trình ý kiến kiểm toán trong Báo  
cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Ngày 29/8/2023, Công ty đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Công ty xin giải trình ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét như sau:

**I. Ý kiến ngoại trừ**

**1. Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên**

**"Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như đã nêu tại mục 5.13 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang ghi nhận giao dịch mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trình – Chủ tịch Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán với giá trị là 29.213.879.040 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận xét về giá trị hợp lý của giao dịch mua biệt thự nêu trên.

**Kết luận ngoại trừ**

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ."

**2. Nội dung giải trình của Công ty**

Giao dịch mua biệt thự được thực hiện vào cuối tháng 6/2023. Do đó, chúng tôi chưa thể bố trí được kiểm toán viên tham cùng cùng công tác định giá tài sản. Vì vậy, đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên. Công ty đang tiến hành bổ sung các tài liệu cần thiết liên quan đến tài sản để sớm bổ sung cho đơn vị kiểm toán.

**II. Ý kiến nhấn mạnh**

**1. Vấn đề cần nhấn mạnh theo ý kiến của Kiểm toán viên**

"Không nhằm phủ định kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty hiện đang sở hữu các lô trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory từ mã SGL-2020.01 đến SGL-2020.04 với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 53.362.669.811 đồng. Các mã trái phiếu này phát hành từ năm 2020, có thời gian đáo hạn là 12/06/2023, 18/06/2023, 19/06/2023, 22/06/2023 và 28/07/2023 và được Công ty TNHH Saigon Glory cam kết mua lại không



chậm hơn thời điểm 12/06/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các mã trái phiếu nêu trên do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.”

## 2. Nội dung giải trình của Công ty

Về tình hình sở hữu tính đến 30/6/2023, Công ty xin giải trình như sau:

### a) Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory

Công ty sở hữu	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số lượng trái phiếu	Tổng giá trị đầu tư	Số dư tại ngày 30/6/2023
Công ty mẹ	SGL-2020.02	18/6/2023	100.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	SGL-2020.02	18/6/2023	118.570	11.999.933.699	11.999.932.578
	SGL-2020.04	28/7/2023	25.000	2.500.000.000	2.512.808.000
	<b>Tổng (I)</b>			<b>243.570</b>	<b>24.499.933.699</b>
Công ty con	SGL-2020.01		143.500	14.350.000.000	14.350.000.000
	SGL-2020.02	18/6/2023	65.000	6.500.000.000	6.500.000.000
	SGL-2020.03		69.248	6.999.959.233	6.999.959.233
	SGL-2020.04	28/7/2023	10.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>Tổng (II)</b>			<b>287.748</b>	<b>28.849.959.233</b>
<b>Tổng (I) + (II)</b>			<b>531.318</b>	<b>53.349.892.932</b>	<b>53.362.699.811</b>

Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 12/06/2020, 18/06/2020, 28/07/2020, 26/08/2020 và 08/8/2022; ngày đáo hạn 18/06/2023, 28/07/2023, 26/8/2025 và 28/8/2025; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITECO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo biên bản làm việc ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH Saigon Glory và Công ty CP chứng khoán Tân Việt (đại lý phát hành), Saigon Glory cam kết sẽ mua lại trước hạn ngay khi có thể nhưng không muộn hơn ngày 12/06/2023 (đối với mã trái phiếu SGL-2020.01 đến SGL-2020.05) và ngày 12/06/2024 (đối với mã trái phiếu SGL-2020.06 đến SGL-2020.10). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các lô trái phiếu từ mã SGL-2020.01 đến mã SGL-2020.05 do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

b) Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An

Công ty sở hữu	Mã trái phiếu	Ngày đáo hạn	Số lượng trái phiếu	Tổng giá trị đầu tư	Số dư tại ngày 30/6/2023
Công ty mẹ	TLACH2126001	20/5/2026	500.000	50.000.000.000	50.000.000.000

Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m<sup>2</sup> đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tài sản đảm bảo hiện đang được phong tỏa do liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty về ý kiến ngoại trừ và ý kiến nhấn mạnh của tổ chức kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ  
KIỂM TOÁN**



**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN  
CLEVER GROUP**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 39

## CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Tòa nhà Five Star số 02 Kim Giang, Thanh Xuân, HN

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dư Khắc Châu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Đông Âu	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Lee SangSeok	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Cho Chang Huyn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2023)
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập (Bỏ nhiệm từ ngày 15/04/2023)

##### Ban Điều hành

Ông Bạch Dương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2023)
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tình	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 64.100 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/CP; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 641.000.000 đồng. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2023 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



**Nguyễn Khánh Trinh**

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023



Số: 40/2023/BCSX-CPAMB1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**  
**Công ty cổ phần Clever Group**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Clever Group được lập ngày 25/08/2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như đã nêu tại mục 5.13 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang ghi nhận giao dịch mua biệt thự B8 - 12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trinh – Chủ tịch Hội đồng quản trị trong kỳ kế toán với giá trị là 29.213.879.040 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận xét về giá trị hợp lý của giao dịch mua biệt thự nêu trên.

**Kết luận ngoại trừ**

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Clever Group tại ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Không nhằm phủ định kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty hiện đang sở hữu các lô trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory từ mã SGL-2020.01 đến SGL-2020.04 với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 53.362.669.811 đồng. Các mã trái phiếu này phát hành từ năm 2020, có thời gian đáo hạn là 12/06/2023, 18/06/2023, 19/06/2023, 22/06/2023 và 28/07/2023 và được Công ty TNHH Saigon Glory cam kết mua lại không chậm hơn thời điểm 12/06/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các mã trái phiếu nêu trên do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến mục 5.2 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đang sở hữu lô trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An với số dư tại thời điểm 30/06/2023 là 50.000.000.000 đồng. Các lô trái phiếu có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm. Tuy nhiên trong kỳ, Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An đã chậm thanh toán lãi ngày 22/05/2023 và tài sản đảm bảo của lô trái phiếu này đang bị phong tỏa để điều tra do có liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề trên.



**Nguyễn Thị Hồng Liên**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>246.671.296.656</b>	<b>249.663.496.891</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>23.943.541.026</b>	<b>34.814.577.683</b>
1. Tiền	111		23.818.541.026	27.014.577.683
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.000.000	7.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>158.311.448.900</b>	<b>95.833.906.277</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		158.311.448.900	95.833.906.277
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.807.164.122</b>	<b>115.759.899.266</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	44.014.316.952	66.552.445.472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	367.861.547	965.145.281
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.597.713.871	3.387.620.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	12.184.901.423	45.212.318.183
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357.629.671)	(357.629.671)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>4.506.695.911</b>	<b>1.401.933.598</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.506.695.911	1.401.933.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.102.446.697</b>	<b>1.853.180.067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	858.358.882	569.772.997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.415.565	439.380.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	179.672.250	844.026.941
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>179.217.697.832</b>	<b>160.059.159.882</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.258.700.000</b>	<b>40.078.700.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	40.258.700.000	40.078.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.282.130.474</b>	<b>10.294.354.857</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	5.441.239.022	6.169.681.453
- Nguyên giá	222		14.339.493.001	14.339.493.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.898.253.979)	(8.169.811.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.840.891.452	4.124.673.404
- Nguyên giá	228		4.780.511.265	4.780.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(939.619.813)	(655.837.861)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.13	<b>34.131.653.675</b>	<b>4.917.774.635</b>
- Nguyên giá	231		34.131.653.675	4.917.774.635
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.10	<b>2.170.730.218</b>	<b>1.639.396.885</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.170.730.218	1.639.396.885
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>93.074.167.191</b>	<b>102.822.045.147</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.566.568.324	11.651.702.392
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		81.507.598.866	91.170.342.755
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>300.316.274</b>	<b>306.888.357</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	300.316.274	249.777.527
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	-	57.110.830
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>425.888.994.488</b>	<b>409.722.656.773</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>95.238.316.568</b>	<b>84.998.068.448</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>92.434.215.554</b>	<b>82.180.916.257</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	19.979.705.914	33.271.176.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	6.621.981.182	5.440.505.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	6.987.309.647	15.726.307.184
4. Phải trả người lao động	314		2.413.015.590	2.234.113.525
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	3.170.650.548	179.130.390
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	973.782.478	811.363.694
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	52.287.770.195	24.518.320.389
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.804.101.014</b>	<b>2.817.152.191</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	2.804.101.014	2.817.152.191
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>330.650.677.920</b>	<b>324.724.588.325</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>330.650.677.920</b>	<b>324.724.588.325</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(600.721.143)	(515.852.328)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.187.313.502	84.936.384.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		84.929.498.224	35.980.087.238
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.257.815.278	48.956.297.029
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.223.935.561	26.463.906.385
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>425.888.994.488</b>	<b>409.722.656.773</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGÀ

Giám đốc



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	180.921.406.669	246.644.117.614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>180.921.406.669</b>	<b>246.644.117.614</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	151.495.409.529	207.639.965.468
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>29.425.997.140</b>	<b>39.004.152.145</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.435.948.261	12.228.474.440
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.428.767.465	3.300.640.636
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.065.409.547	3.298.298.202
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(86.687.437)	(1.121.135.473)
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	12.221.352.435	11.451.108.961
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	15.798.238.626	11.185.857.454
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.326.899.438</b>	<b>24.173.884.061</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	44.604.016	6.556.500.704
13. Chi phí khác	32	6.6	664.609.234	1.155.105.324
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(620.005.218)</b>	<b>5.401.395.380</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8.706.894.220</b>	<b>29.575.279.441</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.702.100.943	3.950.145.829
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(13.051.177)	241.466.933
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.017.844.454</b>	<b>25.383.666.679</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.257.815.278	22.926.865.102
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		760.029.176	2.456.801.578
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	246	1.153
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	245	808

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập



NGUYỄN THỊ NGÀ

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ NGÀ

Giám đốc



ĐÓN NỮ ĐỨC HIỀN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Theo phương pháp gián tiếp*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>8.706.894.220</b>	<b>29.575.279.441</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.105.133.676	982.361.143
- Các khoản dự phòng	03	-	1.207.334.665
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.543.165)	(800.823.313)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.335.543.117)	(11.658.205.184)
- Chi phí lãi vay	06	1.065.409.547	3.298.298.202
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.524.351.161</b>	<b>22.604.244.954</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	66.658.936.053	3.828.225.164
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.104.762.313)	(12.795.579.332)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.001.160.871)	(30.982.101.130)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(368.543.612)	1.040.358.165
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.030.136.169)	(3.255.018.907)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.360.699.501)	(8.317.635.779)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>35.317.984.748</b>	<b>(27.877.506.864)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(29.833.918.410)	(5.221.562.360)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.287.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(119.688.570.152)	(434.350.068.748)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	66.287.743.889	439.942.609.625
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.585.810.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	524.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.699.283.288	998.404.716
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(74.010.961.385)</b>	<b>(1.929.154.041)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.565.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	116.913.183.955	271.751.654.740
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.143.734.149)	(234.280.593.917)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>27.769.449.806</b>	<b>39.036.060.823</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(10.923.526.831)</b>	<b>9.229.399.918</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>34.814.577.683</b>	<b>10.590.235.550</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	52.490.175	6.219.213
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>23.943.541.026</b>	<b>19.825.854.681</b>


Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







NGUYỄN THỊ NGA

NGUYỄN THỊ NGA

ĐỖ NỮ ĐỨC HIỀN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 20 ngày 16/12/2022 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/12/2022 là 213.805.210.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười ba tỷ tám trăm linh năm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/06/2023 là 284 người; cán bộ quản lý là 10 người (Tại ngày 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 280 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Dịch vụ quảng cáo
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		(%)	(%)	
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu
8. Công ty cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10. Công ty cổ phần AGLOBAL	Việt Nam	85	85	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí) chi tiết thiết lập mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử
11. Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh (ii)	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty TNHH VKIDS VN	Việt Nam	39	39	Xuất bán phần mềm
4. Công ty CP công nghệ Lazi	Việt Nam	48,8	48,8	Quảng cáo
5. Công ty cổ phần TECHCEN	Việt Nam	29,3	29,3	Lập trình máy vi tính

(i) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

(ii) Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh đang tạm dừng hoạt động trong thời gian 01 năm từ 16/12/2022 đến 16/12/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/06/2023 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng	Tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2023. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất, lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính chuyển đổi**

Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty PT CLEVER ADS và Công ty CLEVER ADS PHILIPPINES được lập bằng Rupiah Indonesia (IDR) và đồng Peso Philippine (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm tài chính xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)****Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Máy móc, thiết bị	04 năm

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và bản quyền, bằng sáng chế được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm và giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 08 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 18 đến 36 tháng.

**Tiền thuê văn phòng trả trước**

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích Công ty đang thuê. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

**Các chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm cước phí internet và thuê dịch vụ máy chủ được phân bổ trong thời gian 12 tháng và 15 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính bao gồm chi phí lãi vay và một số chi phí khác phải trả.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	11.070.259.283	3.946.204.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.747.281.743	23.068.373.660
Các khoản tương đương tiền (*)	125.000.000	7.800.000.000
<b>Tổng</b>	<b>23.943.541.026</b>	<b>34.814.577.683</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất là 3.1%/năm.

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.311.448.900</b>	<b>158.311.448.900</b>	<b>95.833.906.277</b>	<b>95.833.906.277</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	91.473.779.089	91.473.779.089	33.971.235.126	33.971.235.126
- Trái phiếu (i)	66.837.669.811	66.837.669.811	61.862.671.151	61.862.671.151
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	<i>60.337.669.811</i>	<i>60.337.669.811</i>	<i>55.362.671.151</i>	<i>55.362.671.151</i>
<i>Công ty cổ phần Hưng Thịnh Land (6)</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>81.507.598.866</b>	<b>81.507.598.866</b>	<b>91.170.342.755</b>	<b>91.170.342.755</b>
- Trái phiếu	81.507.598.866	81.507.598.866	91.170.342.755	91.170.342.755
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory (1)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.975.000.000</i>	<i>4.975.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An (2)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi (3)</i>	<i>25.966.893.232</i>	<i>25.966.893.232</i>	<i>30.599.904.399</i>	<i>30.599.904.399</i>
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương (4)</i>	<i>4.987.301.000</i>	<i>4.987.301.000</i>	<i>4.987.301.370</i>	<i>4.987.301.370</i>
<i>Công ty CP thương mại công nghệ An Phát (5)</i>	<i>553.404.634</i>	<i>553.404.634</i>	<i>608.136.986</i>	<i>608.136.986</i>
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>239.819.047.766</b>	<b>239.819.047.766</b>	<b>187.004.249.032</b>	<b>187.004.249.032</b>

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 10,749% - 12,024%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn; chi tiết như sau:

(1): Trái phiếu của Công ty TNHH Saigon Glory có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 12/06/2020, 18/06/2020, 28/07/2020, 26/08/2020 và 08/8/2022; ngày đáo hạn 18/06/2023, 28/07/2023, 26/8/2025 và 28/8/2025; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,869%/năm đến 12,024%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền tài sản phát sinh từ phần vốn góp của Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO vào Công ty TNHH Saigon Glory với giá trị phần vốn góp là 7.000.000.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ) và tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của dự án thành phần The Spirit of Saigon (bao gồm các tài sản thuộc Tháp A cấu phần khu văn phòng và khách sạn) được quản lý bởi ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Theo biên bản làm việc ngày 12/10/2022 giữa Công ty TNHH Saigon Glory và Công ty CP chứng khoán Tân Việt (đại lý phát hành), Saigon Glory cam kết sẽ mua lại trước hạn ngay khi có thể nhưng không muộn hơn ngày 12/06/2023 (đối với mã trái phiếu SGL-2020.01 đến SGL-2020.05) và ngày 12/06/2024 (đối với mã trái phiếu SGL-2020.06 đến SGL-2020.10). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Saigon Glory vẫn chưa thực hiện mua lại hay thanh toán khoản gốc và lãi đến hạn của các lô trái phiếu từ mã SGL-2020.01 đến mã SGL-2020.05 do chưa đạt được thỏa thuận điều chỉnh liên quan đến tiến độ thanh toán gốc và lãi suất của trái phiếu với những người sở hữu trái phiếu.

(2): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 20/05/2021, ngày đáo hạn 20/05/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất không thấp hơn 10%/năm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 2.901.992 m<sup>2</sup> đất tại xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thời hạn sử dụng đến 30/03/2056 của Công ty CP Đầu tư Tân Thành Long An được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/09/2009. Tài sản đảm bảo được quản lý bởi ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tài sản đảm bảo hiện đang bị phong tỏa do liên quan đến vụ án của Tập đoàn Vạn Thịnh Phát.

(3): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐăkPsi có kỳ hạn 10 năm, ngày phát hành 15/03/2021, ngày đáo hạn 15/03/2031; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất đầu tư từ 10,73%/năm đến 10,749%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ cổ phần trong Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi của Công ty TNHH BB HYDRO POWER ĐĂKPSI có tổng mệnh giá là 410.454.500.000 VND (chiếm 98,09% vốn điều lệ) và quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 07/2012 ĐĂKPSI 3/EVN CPC - DIHC ngày 25/07/2012 và số 08/2010 ĐĂKPSI 4/EVN CPC-ĐĂK PSI ngày 06/08/2010 và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có) được ký giữa Công ty CP Đầu tư và phát triển thủy điện ĐăkPsi và Tổng công ty điện lực Miền Trung. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

(4): Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương có kỳ hạn 05 năm, ngày phát hành 23/08/2021, ngày đáo hạn 23/08/2026; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,123%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền khai thác quặng sắt tại Dự án Khai thác và tuyển quặng sắt Mô sắt Ba Hòn - Làng Lếch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo giấy phép khai thác khoáng sản số 1408/GP-BTNMT cấp ngày 29/08/2012 của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai, toàn bộ máy móc thiết bị theo bảng kê chi tiết TSCĐ thuộc sở hữu của Công ty CP Khai thác và chế biến khoáng sản Lào Cai với tổng nguyên giá là 30.000.000.000 VND và phần vốn góp của ông Vũ Quang Bảo trong Công ty TNHH Tập đoàn BITECO có giá trị 200.000.000.000 VND (chiếm 3,2% vốn điều lệ). Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

(5): Trái phiếu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát có kỳ hạn 08 năm, ngày phát hành 30/12/2020, ngày đáo hạn 30/12/2028; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11%/năm. Tài sản đảm bảo là số cổ phần của ông Nguyễn Mạnh Hà (388.500 cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ) tại Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát; toàn bộ quyền và lợi ích theo các hợp đồng cho thuê văn phòng và các dịch vụ quản lý cho thuê văn phòng liên quan đến công trình "Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu" (Tòa nhà An Phát); giấy chứng nhận quyền sở hữu 700m2 đất và tài sản hình thành trên đất là Trung tâm sản xuất phần mềm tin học nội địa và xuất khẩu của Công ty CP Thương mại công nghệ An Phát. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(6): Trái phiếu của Công ty CP Hưng Thịnh Land có kỳ hạn 03 năm, ngày phát hành 31/08/2020, ngày đáo hạn 31/08/2023; lãi trái phiếu trả định kỳ 03 tháng/lần với lãi suất đầu tư 11,374%/năm. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 004) là quyền sử dụng 75.482,4 m2 đất tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có thời hạn sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28/06/2005 của Công ty TNHH du lịch Minh Tuấn Sông Ray; 25.758.400 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh và 4.241.600 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của ông Lê Ngọc Triều; 76.000.000 cổ phần của bà Cao Thị Tuyết, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP du lịch Minh Tuấn Sông Ray (chiếm 100% vốn điều lệ); các quyền tài sản phát sinh tương lai từ hoặc liên quan đến "Dự án Hồ Tràm Complex" tại xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu do Công ty TNHH Du lịch Minh Tuấn Sông Ray là chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(6): Tài sản đảm bảo cho trái phiếu Hưng Thịnh Land (mã HTL 007) là 40.000 cổ phần của ông Lê Ngọc Triều tại Công ty CP Hưng Thịnh Land; 18.000.000 cổ phần tại Công ty CP Hưng Thịnh Land của Công ty CP Tập đoàn Hưng Thịnh; 49.500.000 cổ phần của ông Khuất Tùng Phong, Công ty CP Hưng Thịnh Land và Công ty CP Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn tại Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa (chiếm 100% vốn điều lệ); quyền sử dụng thửa đất số 342, 347, 346, 343, 344 và 345 tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tất cả các quyền tài sản (không bao gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở) phát sinh từ hoặc liên quan đến dự án đầu tư Khu thương mại dịch vụ cao ốc văn phòng kết hợp khu dân cư tại phường Hồ Nai, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Công ty CP Xây dựng và thương mại Tân Văn Hoa làm chủ đầu tư. Các tài sản đảm bảo này được quản lý bởi ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định.

(ii): Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 06 tháng và lãi suất từ 7,3%/năm đến 10,5%/năm.

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	30/06/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	DP	GTHL	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	1.473.885.018	-	-	-	1.473.885.018	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2.095.618.085	-	-	-	2.094.064.716	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3.234.127.663	-	-	-	3.205.011.579	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4.346.300.089	-	-	-	4.460.855.753	-
Công ty cổ phần TECHCEN	416.637.469	-	-	-	417.885.326	-
<b>Tổng</b>	<b>11.566.568.324</b>	-	-	-	<b>11.651.702.392</b>	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty cổ phần TIKI	-	14.381.692.147
Tổng công ty hàng không Việt Nam	1.078.660.000	9.638.558.686
Công ty TNHH MERAP TRADING	-	410.202.000
Công ty TNHH Nha khoa Kim	1.868.660.380	2.286.257.318
Công ty TNHH PP THACO AUTO	616.920.000	1.735.020.000
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	3.651.735.588
Công ty CP giáo dục quốc tế Hà Nội TORONTO	1.056.894.080	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1.472.587.542	373.945.999
Các khách hàng khác	33.688.725.301	34.075.033.734
<b>Tổng</b>	<b>44.014.316.952</b>	<b>66.552.445.472</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>874.801.068</b>	<b>479.328.766</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Đặng Trọng Toàn	-	360.000.000
Công ty CP du lịch & bất động sản Hoàng Gia	100.000.000	-
Công ty TNHH Giải Trí số IM Việt Nam	-	66.825.000
Công ty TNHH TVTK phần mềm Cảnh Cam	-	280.000.000
Công ty TNHH Truyền thông Thượng Âm	77.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	190.861.547	258.320.281
<b>Tổng</b>	<b>367.861.547</b>	<b>965.145.281</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.597.713.871</b>	<b>3.387.620.000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME (i)	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH DV KT điện và xúc tiến TM (i)	1.500.000.000	2.500.000.000
Ông Thái Thanh Long	597.713.871	387.620.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.597.713.871</b>	<b>3.387.620.000</b>

(i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn trong 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 10%/năm đến 11.5%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.6 Các khoản phải thu khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.184.901.423</b>	<b>45.212.318.183</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	6.792.713.437	12.502.222.756
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.074.190.864	2.777.100.581
- Lãi dự thu trái phiếu	298.468.945	662.004.505
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	197.025.754	756.223.259
- Phải thu tạm ứng	-	6.300.000.000
- Phải thu khác	822.502.423	22.214.767.082
+ <i>Phải thu ông Nguyễn Khánh Trinh</i>	-	20.900.000.000
+ <i>Phải thu thuế GTGT nhà thầu</i>	631.337.138	1.273.569.062
+ <i>Phải thu khác</i>	191.165.285	41.198.020
<b>Dài hạn</b>	<b>40.258.700.000</b>	<b>40.078.700.000</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	40.010.000.000	40.010.000.000
- Phải thu dài hạn khác	248.700.000	68.700.000
<b>Cộng</b>	<b>52.443.601.423</b>	<b>85.291.018.183</b>

Trong đó:

**Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ**

-

**27.200.000.000**

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/06/2023 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Chi tiết như sau:
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.249.677.233 VND, lãi suất 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm.
  - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 VND, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
  - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 761.036.204 VND.
  - Các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền là 282.000.000 VND.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2023 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm, kỳ hạn 10 năm.
  - Trái phiếu mã số CTG208T2/02\_119 với giá trị ghi sổ tại 30/06/2023 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,425%/năm, kỳ hạn 8 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.7 Nợ xấu**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	49.745.079	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66.734.809	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
<b>Tổng</b>	<b>357.629.671</b>	<b>-</b>	<b>357.629.671</b>	<b>-</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	4.506.695.911	-	1.401.933.598	-
<b>Cộng</b>	<b>4.506.695.911</b>	<b>-</b>	<b>1.401.933.598</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>858.358.882</b>	<b>-</b>	<b>569.772.997</b>	<b>-</b>
- Chi phí thuê văn phòng	469.241.069	-	164.491.142	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	377.384.483	-	372.732.331	-
- Chi phí trả trước khác	11.733.330	-	32.549.524	-
<b>Dài hạn</b>	<b>300.316.274</b>	<b>-</b>	<b>249.777.527</b>	<b>-</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	274.388.189	-	249.777.527	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	25.928.085	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.158.675.156</b>	<b>-</b>	<b>819.550.524</b>	<b>-</b>

**5.10 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư mua sắm tài sản cố định</b>	<b>2.170.730.218</b>	<b>-</b>	<b>1.639.396.885</b>	<b>-</b>
- Chi phí đầu tư phần mềm về CSDL	2.170.730.218	-	1.639.396.885	-
<b>Tổng</b>	<b>2.170.730.218</b>	<b>-</b>	<b>1.639.396.885</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.11 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	13.813.197.727	336.593.455	189.701.819	14.339.493.001
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>13.813.197.727</b>	<b>336.593.455</b>	<b>189.701.819</b>	<b>14.339.493.001</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	7.643.516.273	336.593.455	189.701.819	8.169.811.547
Khấu hao trong kỳ	728.442.432	-	-	728.442.432
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>8.371.958.705</b>	<b>336.593.455</b>	<b>189.701.819</b>	<b>8.898.253.979</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	6.169.681.454	-	-	6.169.681.454
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>5.441.239.022</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.441.239.022</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2022: 4.354.845.181 VND).

**5.12 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	4.380.511.265	400.000.000	-	4.780.511.265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>4.380.511.265</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.780.511.265</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2023	547.563.912	108.273.949	-	655.837.861
Khấu hao trong kỳ	273.781.956	9.999.996	-	283.781.952
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>821.345.868</b>	<b>118.273.945</b>	<b>-</b>	<b>939.619.813</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2023	3.832.947.353	291.726.051	-	4.124.673.404
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>3.559.165.397</b>	<b>281.726.055</b>	<b>-</b>	<b>3.840.891.452</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.13 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>4.917.774.635</b>	<b>29.213.879.040</b>	-	<b>34.131.653.675</b>
Nhà và quyền sử dụng đất (*)	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675
<b>TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>4.917.774.635</b>	<b>29.213.879.040</b>	-	<b>34.131.653.675</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	4.917.774.635	29.213.879.040	-	34.131.653.675

(\*): Ngày 29/06/2023, Công ty có mua biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội của ông Nguyễn Khánh Trinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán biệt thự có chứng nhận của Văn phòng công chứng Thanh Xuân với giá thỏa thuận là 29.213.879.040. Việc mua bán nêu trên đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tại Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09.2023 ngày 29.06.2023.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội và biệt thự B8-12 Dự án khu biệt thự nhà vườn và thể thao giải trí tại xã Xuân Tiến, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

**5.14 Lợi thế thương mại**

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2023	8.264.317.556
Tăng trong kỳ	-
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>8.264.317.556</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2023	8.207.206.726
Khấu hao trong kỳ	57.110.830
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>8.264.317.556</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2023	57.110.830
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	-	-	222.583.249	222.583.249
Meta Platforms Ireland Limited	11.686.213.337	11.686.213.337	13.223.103.935	13.223.103.935
Google Ireland Ltd	3.000.877.575	3.000.877.575	16.407.336.096	16.407.336.096
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	88.363.000	88.363.000	206.528.400	206.528.400
Công ty cổ phần Forza	427.377.864	427.377.864	747.076.512	747.076.512
Ông Nguyễn Khánh Trình	1.813.879.040	1.813.879.040	-	-
Công ty CP Quảng cáo thương mại Sen Vàng	-	-	334.271.996	334.271.996
Công ty CP truyền thông Humble	491.282.000	491.282.000	197.208.000	197.208.000
Các nhà cung cấp khác	2.471.713.098	2.471.713.098	1.933.067.886	1.933.067.886
<b>Tổng</b>	<b>19.979.705.914</b>	<b>19.979.705.914</b>	<b>33.271.176.074</b>	<b>33.271.176.074</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

1.813.879.040

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ VN	176.796.000	176.796.000	20.337.027	20.337.027
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	412.500.000	412.500.000	351.000.000	351.000.000
Trường Đại học Gia Định	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty CP Phát triển giáo dục H.A.S	209.787.600	209.787.600	-	-
Công ty CP Chứng khoán PINETREE	-	-	486.233.796	486.233.796
Công ty CP Viện mắt quốc tế Việt Nga	110.000.000	110.000.000	108.000.000	108.000.000
Công ty CP Tập đoàn công nghệ CMC	230.906.775	230.906.775	174.112.875	174.112.875
TIKTOK	140.280.000	140.280.000	-	-
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	107.362.763	107.362.763	538.054.851	538.054.851
Công ty TNHH GRAB	23.162.599	23.162.599	313.500.000	313.500.000
Các khách hàng khác	4.811.185.445	4.811.185.445	3.449.266.451	3.449.266.451
<b>Tổng</b>	<b>6.621.981.182</b>	<b>6.621.981.182</b>	<b>5.440.505.000</b>	<b>5.440.505.000</b>

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.808.725.568	12.151.666.470	(14.581.671.560)	3.378.720.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.283.501.955	2.702.100.943	(8.356.741.358)	1.628.861.540
Thuế thu nhập cá nhân	469.969.608	1.818.879.974	(1.664.358.574)	624.491.008
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.164.110.053	7.727.374.278	(8.536.247.710)	1.355.236.621
<b>Tổng</b>	<b>15.726.307.184</b>	<b>24.400.021.665</b>	<b>(33.139.019.202)</b>	<b>6.987.309.647</b>

**5.18 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.958.143	-
Thuế thu nhập cá nhân	175.714.107	844.026.941
<b>Tổng</b>	<b>179.672.250</b>	<b>844.026.941</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	35.273.378	21.122.249
Chi phí thuê văn phòng	29.839.394	-
Chi phí quảng cáo phải trả	3.105.537.776	158.008.141
<b>Tổng</b>	<b>3.170.650.548</b>	<b>179.130.390</b>

**5.20 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	552.770.988	552.770.988	428.996.988	428.996.988
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	74.693.235	74.693.235	-	-
Các khoản phải trả khác	346.318.255	346.318.255	382.366.706	382.366.706
<b>Tổng</b>	<b>973.782.478</b>	<b>973.782.478</b>	<b>811.363.694</b>	<b>811.363.694</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.21 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2023 (VND)		Trong kỳ		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>50.374.721.572</b>	<b>50.374.721.572</b>	<b>86.216.187.590</b>	<b>(57.257.079.607)</b>	<b>21.415.613.589</b>	<b>21.415.613.589</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	50.374.721.572	50.374.721.572	86.216.187.590	(57.257.079.607)	21.415.613.589	21.415.613.589
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>1.913.048.623</b>	<b>1.913.048.623</b>	<b>30.696.996.365</b>	<b>(31.886.654.542)</b>	<b>3.102.706.800</b>	<b>3.102.706.800</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	826.483.228	826.483.228	25.481.894.771	(27.121.992.187)	2.466.580.644	2.466.580.644
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	1.086.565.395	1.086.565.395	5.215.101.594	(4.764.662.355)	636.126.156	636.126.156
<b>Tổng</b>	<b>52.287.770.195</b>	<b>52.287.770.195</b>	<b>116.913.183.955</b>	<b>(89.143.734.149)</b>	<b>24.518.320.389</b>	<b>24.518.320.389</b>

- (i) Hợp đồng cho vay hạn mức số 001/2022 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 08/12/2022 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm từ ngày 08/12/2022 đến 08/12/2023; theo văn bản sửa đổi bổ sung hạn mức số 02/2023-HĐCV-SĐB02/NHCT140-CLEVER GROUP ngày 24/05/2023 hạn mức được nâng lên thành 55.000.000.000 VND. Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước nhận nợ cụ thể có thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau: *Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 và CTG2028T2/02-119 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 35.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).*
- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 2.700.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 4.249.677.233 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.23 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>198.890.980.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>11.734.871.585</b>	<b>586.079.683</b>	<b>58.205.806.097</b>	<b>269.452.677.364</b>
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14.914.230.000	-	-	-	(14.914.230.000)	-
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	11.002.659.804	-	2.216.171.565	13.218.831.369
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	3.726.374.996	-	48.956.297.029	52.682.672.025
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(1.101.932.011)	-	(1.101.932.011)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(9.527.660.424)	(9.527.660.424)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>26.463.906.385</b>	<b>(515.852.328)</b>	<b>84.936.384.267</b>	<b>324.724.588.325</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	760.029.176	-	5.257.815.278	6.017.844.454
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(84.868.815)	-	(84.868.815)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(6.886.043)	(6.886.043)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>27.223.935.561</b>	<b>(600.721.143)</b>	<b>90.187.313.502</b>	<b>330.650.677.920</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	59.828.350.000
Ông Dư Khắc Châu	1.815.170.000	1.918.170.000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	85.612.430.000	85.612.430.000
Các cổ đông khác	66.549.260.000	66.446.260.000
<b>Tổng</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>213.805.210.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	213.805.210.000	198.890.980.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	213.805.210.000	198.890.980.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**5.24 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

	30/06/2023	01/01/2023
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.679.184.240	3.405.825.923
Trên 01 năm đến 05 năm	2.220.000.000	3.106.837.833
<b>Tổng</b>	<b>4.899.184.240</b>	<b>6.512.663.756</b>

**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	76.180,57	22.905,73

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.921.406.669	246.644.117.614
<b>Tổng</b>	<b>180.921.406.669</b>	<b>246.644.117.614</b>
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	2.415.475.521	3.864.045.381

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	151.495.409.529	207.639.965.468
<b>Tổng</b>	<b>151.495.409.529</b>	<b>207.639.965.468</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	9.321.525.309	11.872.034.019
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.002.542	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.420.410	354.147.228
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.293.193
<b>Tổng</b>	<b>9.435.948.261</b>	<b>12.228.474.440</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	1.065.409.547	3.298.298.202
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	363.357.918	2.342.434
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.428.767.465</b>	<b>3.300.640.636</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.417.570.548	5.035.997.807
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.212.314	22.789.904
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	799.391.380	954.176.892
Thuế, phí và lệ phí	242.334.490	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.707.769.619	3.333.521.778
Chi phí khác bằng tiền	1.505.960.275	1.839.371.073
<b>Tổng</b>	<b>15.798.238.626</b>	<b>11.185.857.454</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	12.087.837.692	9.903.120.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.301.160	1.500.246.868
Chi phí khác bằng tiền	35.213.583	47.741.473
<b>Tổng</b>	<b>12.221.352.435</b>	<b>11.451.108.961</b>

**6.6 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>44.604.016</b>	<b>6.556.500.704</b>
- Xử lý số dư công nợ	102.020	726.439
- Thu nhập phát sinh từ giao dịch mua rẻ	-	6.473.152.649
- Các khoản khác	44.501.996	82.621.616
<b>Chi phí khác</b>	<b>664.609.234</b>	<b>1.155.105.324</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	207.223.904
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	269.943.834	245.102.495
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	21.270.557	269.095.847
- Chi ủng hộ, tài trợ, quà tặng	92.940.000	228.000.000
- Phạt vi phạm hợp đồng	42.842.000	-
- Các khoản khác	237.612.843	205.683.078
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)</b>	<b>(620.005.218)</b>	<b>5.401.395.380</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.212.314	22.789.904
Chi phí nhân công	30.959.907.720	17.322.744.439
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1.126.446.044	1.163.693.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.490.704.007	191.001.501.302
Chi phí khác bằng tiền	3.812.730.505	2.500.173.124
<b>Tổng</b>	<b>179.515.000.590</b>	<b>212.010.902.396</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.679.730.726	3.764.196.073
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	22.370.217	185.949.756
<b>Tổng</b>	<b>2.702.100.943</b>	<b>3.950.145.829</b>

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(13.051.177)	241.466.933
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(65.255.883)	2.346.395.591
<b>Tổng</b>	<b>(13.051.177)</b>	<b>241.466.933</b>

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.257.815.278	22.926.865.102
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.257.815.278</b>	<b>22.926.865.102</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	21.380.521	19.889.098
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>246</b>	<b>1.153</b>

**6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.257.815.278	22.926.865.102
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.257.815.278</b>	<b>22.926.865.102</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	21.380.521	19.889.098
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu) (i)	64.100	8.500.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>245</b>	<b>808</b>

- (i) Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung trong quý III năm 2023 bao gồm:  
- 64.100 cổ phiếu dự kiến được phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m<sup>2</sup> văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022.
- Tiền thuê 108 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.
- Tiền thuê 145,45 m<sup>2</sup> văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 27.670.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/12/2020.

**Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2023, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

**7.2 Thông tin về các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

**a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Tiền lương và phụ cấp	1.596.282.979	1.795.869.643
<b>Cộng</b>	<b>1.596.282.979</b>	<b>1.795.869.643</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thù lao Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch	310.000.000	363.600.000
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch HĐQT/Giám đốc	148.982.979	270.400.000
Bà Lưu Hoàng Anh	Ủy viên	338.000.000	224.079.070
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên	360.000.000	239.600.000
<b>Tổng</b>		<b>1.156.982.979</b>	<b>1.097.679.070</b>

**Tiền lương của Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Ông Bạch Dương	Giám đốc	260.000.000	353.290.573
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	179.300.000	148.700.000
Bà Nguyễn Thị Hồi	Kế toán trưởng	-	196.200.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	360.600.000	-
<b>Tổng</b>		<b>799.900.000</b>	<b>698.190.573</b>

**a. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
<b>Bán hàng hóa dịch vụ</b>				
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1.317.259.939	1.523.837.552
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.096.757.405	1.206.539.684
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.458.177	129.147.457
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	1.004.520.688
<b>Tổng</b>			<b>2.415.475.521</b>	<b>3.864.045.381</b>
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Mua biệt thự	29.213.879.040	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền mua biệt thự	27.400.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Thu tiền chuyển nhượng trái phiếu	20.900.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Hoàn ứng	3.800.000.000	-
Ông Bạch Dương	Giám đốc	Hoàn ứng	2.500.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>874.801.068</b>	<b>479.328.766</b>
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	329.190.068	204.046.217
Công ty TNHH VKIDS VN	Công ty liên kết	-	110.855.560
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	545.611.000	164.426.989
<b>Phải thu khác</b>		<b>-</b>	<b>27.200.000.000</b>
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	-	24.700.000.000
Ông Bạch Dương	Giám đốc	-	2.500.000.000
<b>Phải trả người bán</b>		<b>1.813.879.040</b>	<b>-</b>
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	1.813.879.040	-

**7.3 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	180.921.406.669	-	-	180.921.406.669
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>180.921.406.669</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>180.921.406.669</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>	<b>179.515.000.590</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>179.515.000.590</b>
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	151.495.409.529	-	-	151.495.409.529
- Chi phí bán hàng	12.221.352.435	-	-	12.221.352.435
- Chi phí QLDN	15.798.238.626	-	-	15.798.238.626
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>1.406.406.079</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.406.406.079</b>
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	7.920.493.359	7.920.493.359
- Lợi nhuận khác	-	-	(620.005.218)	(620.005.218)
<b>LN/(lỗ) trước thuế</b>	<b>1.406.406.079</b>	<b>-</b>	<b>7.300.488.141</b>	<b>8.706.894.220</b>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>KD quảng cáo</b>	<b>Bán BĐS đầu tư</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
tiền	23.943.541.026	-	-	23.943.541.026
Các khoản đầu tư tài chính	11.566.568.324	-	239.819.047.766	251.385.616.090
Các khoản phải thu	94.496.178.559	-	4.569.685.563	99.065.864.122
Hàng tồn kho	4.506.695.911	-	-	4.506.695.911
Tài sản khác	3.573.493.189	-	-	3.573.493.189
Tài sản cố định	9.282.130.474	-	-	9.282.130.474
Bất động sản đầu tư	34.131.653.675	-	-	34.131.653.675
<b>Tổng tài sản</b>	<b>181.500.261.158</b>	<b>-</b>	<b>244.388.733.329</b>	<b>425.888.994.488</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ ngắn hạn	92.434.215.554	-	-	92.434.215.554
Nợ dài hạn	2.804.101.014	-	-	2.804.101.014
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>95.238.316.568</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>95.238.316.568</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 64.100 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/CP; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 641.000.000 đồng. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2023 sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Việt Nam.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập

NGUYỄN THỊ NGA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGA

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023  
Giám đốc  
  
ĐƠN NỮ ĐỨC HIỀN

850165-C.T.C.P  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
R GROUP  
AN - T.P HÀ NỘI